



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH SỞ CẢNH SÁT NEW ORLEANS

CHƯƠNG: 1.2.4

TIÊU ĐỀ: KHÁM XÉT VÀ BẮT GIỮ

NGÀY HIỆU LỰC: 7/10/2016

ĐÃ SỬA ĐỔI: 1/15/19, 5/23/2021, 5/15/2022

MỤC ĐÍCH

Hiến pháp liên bang và tiểu bang đều quy định cho mọi người quyền không bị khám xét và bắt giữ một cách vô lý. Chương này yêu cầu các nhân viên Sở Cảnh sát New Orleans tuân thủ các biện pháp bảo vệ hợp pháp này khi giải quyết các vấn đề khám xét và bắt giữ, cũng như khám xét những người đang bị giam giữ.

TUYÊN BỐ CỦA CẢNH SÁT

1. Chính sách của Sở Cảnh sát New Orleans là tôn trọng các quyền riêng tư cơ bản của mọi cá nhân. Viên chức sẽ tiến hành khám xét theo đúng các quyền được bảo đảm và bảo vệ bởi Hiến pháp và luật pháp Hoa Kỳ dành cho người bị khám xét. Tất cả các vụ bắt giữ của Sở này sẽ tuân theo luật liên bang và tiểu bang có liên quan về việc bắt giữ người và thu giữ tài sản.
2. Tất cả các cuộc khám xét sẽ được tiến hành với việc đảm bảo an toàn, nhân phẩm, phép lịch sự, tôn trọng quyền riêng tư và vệ sinh và phải tuân thủ chính sách và luật pháp để bảo vệ quyền của những người bị khám xét.
3. Các viên chức không được dựa vào chủng tộc, màu da, dân tộc, quốc gia xuất xứ, tổ tiên, tín ngưỡng, tôn giáo, giới tính, bản dạng giới, khuynh hướng tình dục, tình trạng kinh tế, tuổi tác, nhóm văn hóa, tình trạng khuyết tật, tình trạng gia cư, hoặc mối liên kết với bất kỳ nhóm định danh tương tự nào khác khi đưa ra quyết định tiến hành việc khám xét không có lệnh hoặc khi xin lệnh khám xét (tham khảo **Chương 1.2.4.2 – Lệnh Khám Xét**), ngoại trừ trường hợp là một phần của mô tả thực tế và rõ ràng đáng tin cậy về một nghi phạm cụ thể hoặc các nghi phạm trong bất kỳ cuộc điều tra hình sự nào.
4. Viên chức chỉ được tiến hành khám xét các cá nhân đang bị quản chế hoặc tạm tha khi viên chức có nguyên do hợp lý, hoặc người đó đã đồng ý cho khám xét.
5. Trong mọi trường hợp tài sản hoặc bằng chứng bị thu giữ, viên chức phải hoàn thành ngay lập tức các tài liệu phù hợp và được nêu trong Chương này và các quy định của Sở bao gồm cả việc kiểm kê đầy đủ và chính xác tài sản hoặc bằng chứng bị thu giữ. Một biên lai các vật phẩm bị thu giữ sẽ được cung cấp cho cá nhân mà vật phẩm đó đã bị thu giữ.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Bắt giữ—Việc bắt giữ một người bởi một người khác. Để cấu thành việc bắt giữ phải có một sự kiểm chế thực sự đối với người đó. Việc kiểm chế có thể được áp đặt bằng vũ lực hoặc có thể là kết quả của việc giao nộp người bị bắt cho người đang bắt giữ người đó. (La. C.Cr. P. Art. 201)

Các trường hợp cấp bách—Một trường hợp khẩn cấp bắt buộc hoặc trường hợp khẩn cấp thực sự mà viên chức có thể mô tả cụ thể chứ không sử dụng các thuật ngữ mơ hồ hoặc ngôn ngữ soạn sẵn. Các tình huống khiến một người có lý trí tin rằng hành động kịp thời là cần thiết để ngăn ngừa thương tích cho bản thân hoặc người khác.

Dừng để Điều tra—Việc tạm giữ không tự nguyện và thẩm vấn một người và/hoặc phương tiện và những người ngồi trên đó để điều tra hành vi phạm tội tiềm ẩn. Để tiến hành việc dừng để điều tra, viên chức phải có nghi ngờ hợp lý rằng cá nhân hoặc người ngồi trên phương tiện đã tham gia, đang tham gia, hoặc chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội.

Dừng phương tiện—Việc tạm giữ không tự nguyện phương tiện cơ giới và những người ngồi trên phương tiện đó. Việc dừng phương tiện có thể được tiến hành (1) khi có nguyên do hợp lý để tin rằng người lái xe đã vi phạm giao thông hoặc (2) khi có nghi ngờ hợp lý rằng người ngồi trên xe đã tham gia, đang tham gia hoặc chuẩn bị thực hiện hành vi phạm tội. Xem thêm **Chương 1.2.4.3 – Dừng Phương Tiện**.

Dừng—Việc giữ đối tượng trong thời gian ngắn và xâm phạm tối thiểu, bao gồm người đi bộ, người đi xe đạp và/hoặc người ngồi trên xe, trong thời gian đó một người có lý trí ở vị trí của đối tượng sẽ không cảm thấy được tự do rời đi, như được định nghĩa trong *Terry v. Ohio*, 392 U.S. 1 (1968).

Giam giữ—Đồng nghĩa với “**Bắt giữ**” nhưng đề cập đến việc duy trì việc giam giữ thể chất và kiểm soát người bị bắt và đặt phòng giam giữ chứ không phải là bất kỳ hình thức phóng thích nào của cảnh sát như lệnh triệu tập hay phạt giao thông.

Hàng phi pháp - Bất kỳ tài sản nào mà người ta có được, buôn bán, mang theo, sản xuất hoặc sở hữu là bất hợp pháp theo một quy chế, quy tắc hoặc được tòa án xác định là bất hợp pháp, do được sử dụng vào một hoạt động hoặc cách thức bất hợp pháp, theo bản chất của nó, hoặc theo hoàn cảnh của người có được hoặc sở hữu nó. Bất kỳ chất nguy hiểm nào được kiểm soát như được định nghĩa trong R.S. 40:961 và các tài liệu liên quan.

Kiểm tra vũ khí/kiểm tra tay—Kiểm tra bên ngoài lớp quần áo ngoài của một cá nhân nhằm mục đích đảm bảo cá nhân đó không sở hữu bất kỳ vũ khí nào. Chỉ có thể thực hiện hành động kiểm tra vũ khí khi dựa trên sự nghi ngờ hợp lý của viên chức rằng người đó có **trang bị vũ khí và nguy hiểm** và phải được giới hạn trong những hành động cần thiết để phát hiện vũ khí

Khám xét khoang cơ thể—Bất kỳ hoạt động kiểm tra trực quan hoặc thân thể nào đối với bộ phận sinh dục hoặc khoang hậu môn của một người có hoặc không có việc tiếp xúc hoặc xâm nhập thân thể vào khoang cơ thể.

Khám xét vùng kín—Việc khám xét một cá nhân bao gồm thao tác hoặc với tay vào bên trong quần áo hoặc cởi bỏ hoặc sắp xếp lại một số hoặc tất cả quần áo để cho phép việc kiểm tra trực quan hoặc thân thể ở bên ngoài vùng ben/bộ phận sinh dục, mông, ngực phụ nữ, hoặc quần áo lót che những khu vực đó.

Khám xét—Một cuộc thanh tra, kiểm tra hoặc xem xét con người, địa điểm hoặc vật phẩm mà một cá nhân có yêu cầu chính đáng về quyền riêng tư.

Nghi ngờ hợp lý—Các dữ kiện rõ ràng, trong tổng thể các tình huống, khiến một viên chức nghi ngờ một cách hợp lý rằng hoạt động tội phạm đã hoặc sắp được thực hiện. Tiêu chuẩn cho nghi ngờ hợp lý là ít hơn nguyên do hợp lý nhưng phải nhiều hơn linh cảm hoặc cảm giác chủ quan.

Nguyên do hợp lý—Các dữ kiện và hoàn cảnh mà viên chức biết vào thời điểm đó mà sẽ có thể biện minh cho một người có lý trí trong việc tin rằng nghi phạm đã hoặc đang thực hiện hành vi phạm tội.

Nguyên tắc cảm nhận đơn giản (hay còn gọi là nguyên tắc chạm đơn giản)—Một viên chức có thể thu giữ một đồ vật trong khi tiến hành kiểm tra vũ khí hợp pháp nếu bản chất của nó là hàng phi pháp một cách rõ ràng tức thời ngay trong hành động chạm vào được cho phép bởi việc dừng lại và kiểm tra vũ khí.

Nhật ký Phản hồi của Giám sát viên (SFL)—Một ứng dụng trên web được các giám sát viên của Sở sử dụng để ghi lại các hành động giám sát chặt chẽ và hiệu quả như chuyển hướng, tư vấn và hỗ trợ. SFL được cung cấp cho các giám sát viên, Phòng Trách nhiệm Giải trình và Tiêu chuẩn Nghề nghiệp, và Phòng Liêm chính Công về Ứng dụng Web NOPD trong các Ứng dụng.

Tiếp xúc đồng thuận—Cuộc trò chuyện thông thường giữa một viên chức và một cá nhân trong đó cá nhân đó hoàn toàn có thể bỏ đi hoặc phớt lờ viên chức đó. Tiếp xúc đồng thuận không được coi là hành động “dừng” theo nghĩa của luật hoặc Chương này. Nếu một người có lý trí không cảm thấy có thể tự do chấm dứt cuộc gặp gỡ và bỏ đi, cuộc gặp gỡ không phải là đồng thuận, mà đúng hơn là một hành động “dừng”. Hành động “dừng” để điều tra đòi hỏi một viên chức phải có sự nghi ngờ hợp lý rằng người đó đã hoặc sắp phạm tội. Việc dừng xe để thi hành luật giao thông đòi hỏi phải có nguyên do hợp lý để tin rằng người lái xe đã vi phạm luật giao thông. Trong cuộc tiếp xúc đồng thuận, viên chức không được định vị tư thế cơ thể hoặc phương tiện của họ theo cách khiến một người có lý trí tin rằng họ không được tự do bỏ đi. Viên chức không được thực hiện bất kỳ cử chỉ thân thể nào, chẳng hạn như đặt tay của viên chức lên khẩu súng của mình để khiến một người có lý trí tin rằng họ không được tự do bỏ đi.

Thẻ Phòng vấn tại Hiện trường (FICs)—Phương pháp mà Sở cảnh sát New Orleans (NOPD) sử dụng để ghi lại các hoạt động dừng và các tương tác chủ động khác giữa một thành viên của NOPD và các cá nhân trong cộng đồng. Xem **Chương 41.12 – Thẻ Phòng vấn tại Hiện trường**.

KHÁM XÉT VÀ BẮT GIỮ

6. Hiến pháp Hoa Kỳ thường yêu cầu cơ quan thực thi pháp luật phải có lệnh trước khi tiến hành khám xét. Tuy nhiên, có một số ít trường hợp ngoại lệ không cần lệnh, chẳng hạn như sự chấp thuận hợp lệ cho khám xét, vụ việc khám xét để bắt giữ hợp pháp, và việc khám xét được tiến hành trong những trường hợp cấp bách.
7. Vì án lệ liên quan đến khám xét và bắt giữ luôn thay đổi và tùy thuộc vào sự diễn giải của tòa án nên viên chức có trách nhiệm duy trì cập nhật các khía cạnh pháp lý của luật khám xét và bắt giữ. Khi nghi ngờ về sự tồn tại hoặc khả năng áp dụng của một trường hợp ngoại lệ không cần có lệnh khám xét, viên chức nên chờ thêm để nhận được lệnh khám xét (tham khảo Chương 1.2.4.2 - Lệnh Khám Xét)..

YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI VIỆC KHÁM XÉT VÀ BẮT GIỮ

8. Viên chức không được dựa vào chủng tộc, màu da, dân tộc, quốc gia xuất xứ, tổ tiên, tín ngưỡng, tôn giáo, giới tính, bản dạng giới, khuynh hướng tình dục, tình trạng kinh tế, tuổi tác, nhóm văn hóa, tình trạng khuyết tật, tình trạng gia cư hoặc mối liên kết với bất kỳ nhóm định danh tương tự nào khác khi đưa ra quyết định tiến hành khám xét, ngoại trừ trường hợp là một phần

của mô tả thực tế và rõ ràng đáng tin cậy về một nghi phạm cụ thể hoặc các nghi phạm trong bất kỳ cuộc điều tra hình sự nào.

9. Viên chức cần nhận ra rằng việc khám xét một người vốn dĩ là việc hạ thấp phẩm giá; do đó, viên chức phải nỗ lực hết sức để tiến hành khám xét một cách đàng hoàng, lịch sự và theo cách thức chuyên nghiệp mà không ảnh hưởng đến sự an toàn của viên chức.
10. Bất cứ khi nào có thể, viên chức có cùng giới tính với bản dạng giới của người bị khám xét nên tiến hành việc khám xét. Khi khám xét người không cùng giới tính với viên chức khám xét, thì viên chức phải nỗ lực hợp lý để triệu tập viên chức cùng giới tính với đối tượng để tiến hành khám xét. Khi không thể triệu tập viên chức có cùng giới tính với đối tượng, viên chức phải:
 - (a) Có một viên chức hoặc một giám sát viên khác chứng kiến việc khám xét.
 - (b) Không khám xét các khu vực cơ thể được che bởi quần áo bó sát, quần áo mỏng hoặc quần áo không thể che giấu vũ khí một cách hợp lý.Xem **Chương 41.13.1 – Tương tác với Người LGBTQ** để biết hướng dẫn về cách tiến hành khám xét với các cá nhân LGBTQ.
11. Viên chức không được dùng tay kiểm tra bất kỳ người nào với mục đích xác định giới tính của người đó hoặc để xem hoặc chạm vào bộ phận sinh dục hoặc ngực của người đó. Trong trường hợp việc khám xét đồng giới được yêu cầu bởi luật pháp hoặc chính sách NOPD, viên chức phải tôn trọng bản dạng giới mà cá nhân thể hiện. Trong trường hợp cá nhân không tự xác định được và bản dạng giới không rõ ràng đối với một người có lý trí hoặc viên chức không chắc chắn, viên chức sẽ thực hiện các bước hợp lý, không xâm phạm để xác định bản dạng giới, chẳng hạn như hỏi cá nhân đó xem họ muốn được nhìn nhận là giới tính gì.
12. Các viên chức phải giải thích cho người bị khám xét lý do của việc khám xét và quy trình mà viên chức sẽ sử dụng để tiến hành việc đó ở mức độ cao nhất có thể.
13. Các viên chức cần cố gắng ghi lại hoạt động mà họ dựa trên sự nghi ngờ hợp lý của mình ở mức độ an toàn và có thể thực hiện được tuân theo **Chương 41.9 - Camera Đeo Trên Người** và **Chương 41.3.8 – Camera Trong Xe Hơi**.
14. Viên chức không được thu giữ hoặc khám xét các bản ghi theo cách không phù hợp với **Chương 1.2.10 – Ghi chép Công khai của Viên chức Cảnh sát**.
15. Viên chức phải tiến hành khám xét một cách thận trọng và tôn trọng các lợi ích tài sản tư nhân và theo cách thức giảm thiểu thiệt hại. Viên chức phải giữ tài sản trong tình trạng càng gần càng tốt với điều kiện trước khi khám xét của nó.
16. Để giảm thiểu nhu cầu phải đột nhập bằng vũ lực, và khi làm vậy sẽ không khiến các viên chức gặp rủi ro cao, các viên chức phải cố gắng có được chìa khóa, tổ hợp mở khóa hoặc mã truy cập khi dự kiến khám xét tài sản bị khóa.
17. Viên chức phải sử dụng ngôn ngữ mô tả chính xác và cụ thể và không chỉ dựa vào ngôn ngữ “viết sẵn” hoặc ngôn ngữ “pat” trong bất kỳ báo cáo nào ghi lại các vụ dừng điều tra, tạm giữ hoặc khám xét. Việc trình bày các nghi ngờ hợp lý và nguyên do hợp lý phải cụ thể và rõ ràng.
18. Viên chức không được sử dụng hoặc dựa vào những thông tin được cho là sai hoặc không chính xác nghiêm trọng để thực hiện việc dừng điều tra hoặc tạm giữ hoặc để thiết lập nghi ngờ hợp lý cho việc khám xét.
19. Viên chức không được xâm phạm sự an toàn của họ hoặc sự an toàn của các viên chức khác, để biện minh cho việc khám xét.

20. Viên chức không được tạm giữ những người không cư ngụ có mặt tại địa điểm thực hiện lệnh khám xét lâu hơn mức cần thiết một cách hợp lý để đảm bảo an ninh cho khu vực đó hoặc xác định xem liệu họ có phải là những người cư ngụ trong cơ sở đang được khám xét hay không, trừ khi viên chức đó có được nghi ngờ hợp lý rằng những người không cư ngụ đó có liên quan đến hoạt động tội phạm hoặc gây nguy hiểm cho sự an toàn của viên chức.
21. Người chưa thành niên không thể từ bỏ các quyền của mình và chấp thuận việc khám xét nếu trước đó không được phép tham gia một buổi tư vấn có ý nghĩa với luật sư hoặc cha mẹ, người giám hộ hoặc người lớn khác quan tâm đến lợi ích của họ. Đối với việc khám xét liên quan đến người chưa thành niên, xem **Chương 44.2 – Người chưa thành niên**.

KHÁM XÉT ĐỒNG THUẬN

22. Viên chức phải ghi lại sự đồng ý cho khám xét bằng văn bản và phải ghi lại quá trình đồng ý và toàn bộ quá trình khám xét trên BWC của mình.
23. Viên chức phải thông báo ngay cho giám sát viên khi cần nhắc việc khám xét dựa trên sự đồng ý. Trước khi một viên chức có thể tiến hành việc khám xét đồng thuận, thì viên chức đó phải có sự chấp thuận rõ ràng của giám sát viên của mình. Tên và sự chấp thuận của giám sát viên phê duyệt sẽ được ghi chú trên **Biểu mẫu Đồng ý Khám xét** bắt buộc (Mẫu số 146).
24. Khi một viên chức yêu cầu sự đồng ý cho việc khám xét, viên chức đó phải thông báo một cách chắc chắn cho đối tượng về quyền từ chối và thu hồi sự đồng ý bất cứ lúc nào. Viên chức sẽ ghi lại và thực hiện sự đồng ý của đối tượng trên “Biểu mẫu Đồng ý Khám xét” (Mẫu số 146), trong đó giải thích rõ ràng về các quyền này. Các thông tin sau đây sẽ là bắt buộc trên tất cả các Biểu mẫu Đồng ý Khám xét:
- (a) Ngày, giờ, địa điểm và số mục NOPD liên quan trực tiếp đến yêu cầu hoặc đồng ý khám xét.
 - (b) Họ tên đầy đủ của người đưa ra sự đồng ý.
 - (c) Địa chỉ cư trú của người đưa ra sự đồng ý.
 - (d) Họ tên đầy đủ của viên chức yêu cầu sự đồng ý để khám xét.
 - (e) Một dấu biểu thị nếu sự đồng ý có liên quan đến việc khám xét người, phương tiện hoặc nơi ở của họ (có thể là nhiều hơn một).
 - (f) Chữ ký tắt của người đưa ra sự đồng ý cho biết (các) viên chức không đe dọa hoặc ép buộc người đó để có được sự đồng ý.
 - (g) Chữ ký tắt của người đưa ra đồng ý cho biết (các) viên chức đã không đưa ra bất kỳ lời hứa nào để đổi lại sự hợp tác với người đó để có được sự đồng ý.
 - (h) Một dấu biểu thị là người đưa ra sự đồng ý có quyền từ chối việc đồng ý khám xét.
 - (i) Một dấu biểu thị là người đưa ra sự đồng ý có quyền thu hồi sự đồng ý bất cứ lúc nào.
 - (j) Một dấu biểu thị là tất cả các quyền được liệt kê trên biểu mẫu đã được đọc và giải thích cho người đưa ra sự đồng ý bởi (những) viên chức yêu cầu sự đồng ý trước khi người đó ký tên.
 - (k) Chữ ký của người đưa ra sự đồng ý cho việc khám xét.
 - (l) Chữ ký (và tên viết in hoa) của hai người không phải là thành viên của NOPD và tốt nhất là gia đình hoặc bạn bè của người đưa ra sự đồng ý và những người có mặt trong toàn bộ quá trình đọc lại các quyền và chứng kiến người đưa ra sự đồng ý.
 - (m) Chữ ký của viên chức yêu cầu sự đồng ý và một nhân chứng hoặc viên chức hỗ trợ, người có mặt trong toàn bộ quá trình đọc lại các quyền cho người đưa ra sự đồng ý; và
 - (n) Chữ ký của giám sát viên đã phê duyệt sự đồng ý khám xét TRƯỚC KHI khám xét được thực hiện.

25. Biểu mẫu Đồng ý Khám xét gốc phải kèm theo Báo cáo Vụ việc của NOPD hoặc EPR có liên quan cùng với bản sao biên lai cho bất kỳ vật phẩm nào mà (các) viên chức thu giữ. Biên lai gốc cho bất kỳ vật phẩm nào bị thu giữ sẽ được trao cho người đồng ý.
26. Viên chức phải tham chiếu cụ thể tài liệu video về sự đồng ý khám xét có trong FIC, Báo cáo Vụ việc của NOPD hoặc EPR có liên quan cùng với bản sao biên lai cho bất kỳ vật phẩm nào mà (các) viên chức thu giữ. Trong các báo cáo này, viên chức cần lưu ý thời gian gần đúng mà việc đồng ý khám xét được tiến hành.

TIẾP XÚC ĐỒNG THUẬN

27. Một viên chức có thể tương tác với một cá nhân trong quá trình tiếp xúc đồng thuận (xem **Chương 1.2.4.1 – Hoạt động dừng**) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

THỰC HIỆN MỘT HÀNH ĐỘNG DỪNG/TẠM GIỮ

28. Khi có sự nghi ngờ hợp lý hoặc nguyên do hợp lý để thực hiện việc dừng, thì việc dừng này phải được thực hiện một cách thận trọng, kiềm chế và tế nhị. Viên chức chỉ được phép dừng tuân theo **Chương 1.2.4.1 – Hoạt động dừng** và **Chương 1.2.4.3 Dừng Xe**. Tài liệu về các hoạt động dừng phải được thực hiện theo **Chương 41.12 – Thẻ Phông vấn tại Hiện trường**.

BIỆN MINH CHO VIỆC TIẾN HÀNH KIỂM TRA VŨ KHÍ/KIỂM TRA TAY

29. Trong khi dừng, nếu viên chức có nghi ngờ hợp lý rằng nghi phạm đang sở hữu vũ khí và gây nguy hiểm cho viên chức hoặc những người khác trong khu vực, viên chức có thể tiến hành kiểm tra vũ khí (kiểm tra tay) quần áo bên ngoài của nghi phạm để tìm kiếm vũ khí. Không phải mọi hành động dừng hoặc tạm giữ đều có thể biện minh cho việc tiến hành kiểm tra vũ khí. Việc kiểm tra vũ khí này là chính đáng và có thể được thực hiện chỉ để bảo vệ sự an toàn của viên chức và những người khác và không bao giờ được sử dụng như một cái cớ để thu thập bằng chứng.
30. Bên **cạnh** cơ sở cho việc dừng, để thực hiện kiểm tra vũ khí, viên chức phải có nghi ngờ hợp lý rằng đối tượng có thể sở hữu vũ khí và gây ra mối đe dọa cho viên chức và/hoặc những người khác. (Xem **Chương 1.2.4.1 – Hoạt động dừng**.) Cơ sở cho nghi ngờ hợp lý có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở:
 - (a) Việc biết trước rằng đối tượng mang vũ khí.
 - (b) Hành vi đáng ngờ, chẳng hạn như không tuân thủ các hướng dẫn giữ tay trong tầm mắt; hoặc
 - (c) Các quan sát, chẳng hạn như chỗ phòng đáng ngờ, phù hợp với việc mang theo vũ khí được che giấu.
31. Bản thân sự hiện diện của một cá nhân trong “khu vực tội phạm cao” không đủ để biện minh cho việc kiểm tra vũ khí.
32. Viên chức phải trình bày rõ ràng, đầy đủ chi tiết để giúp thực hiện việc đánh giá giám sát, cơ sở cho nghi ngờ hợp lý đối với việc kiểm tra vũ khí trên FIC.
33. Mục đích và phạm vi khám xét phải được giới hạn nghiêm ngặt trong phạm vi những gì cần thiết để phát hiện ra vũ khí gây nguy hiểm cho viên chức hoặc những người ở gần; tuy nhiên, theo “nguyên tắc cảm nhận đơn giản”, cảnh sát có thể thu giữ hàng phi pháp được phát hiện trong quá trình kiểm tra tay nhưng chỉ khi việc nhận diện hàng phi pháp là rõ ràng ngay lập tức. Viên chức không được thao tác với các đồ vật được phát hiện dưới lớp áo để xác định xem chúng có phải là hàng phi pháp hay không.

34. Viên chức không được kiểm tra vũ khí trong quá trình tiếp xúc dân sự đồng thuận. Tiến hành kiểm tra vũ khí trong quá trình tiếp xúc dân sự đồng thuận sẽ biến cuộc gặp trở thành một hành động tạm giữ.

THỰC HIỆN KIỂM TRA VŨ KHÍ (KIỂM TRA TAY)

35. Viên chức chỉ được thực hiện việc kiểm tra vũ khí theo cách sau:
- (a) Trừ khi có những tình huống cấp bách, việc kiểm tra phải được tiến hành bởi ít nhất hai viên chức, một người thực hiện việc khám xét trong khi người kia bọc lót để bảo vệ.
 - (b) Trừ khi có những tình huống cấp bách, việc kiểm tra vũ khí cần được thực hiện bởi một viên chức có cùng giới tính với đối tượng đang được khám xét. Nếu viên chức cùng giới tính không có mặt ngay lập tức để tiến hành khám xét, thì việc khám xét phải được thực hiện bằng mu bàn tay hoặc đầu ngón tay của viên chức đó. Xem **Chương 41.13.1 – Tương tác với Người LGBTQ** để biết hướng dẫn về cách tiến hành khám xét với các cá nhân LGBTQ.
 - (c) Bởi vì việc kiểm tra vũ khí có bản chất là nhanh chóng và chỉ giới hạn trong việc xác định xem một cá nhân có trang bị vũ khí hay không, chúng phải được thực hiện với đối tượng ở tư thế đứng, với hai tay chống vào một vật tĩnh và hai chân dang rộng. Trừ khi được đòi hỏi đặc biệt vì sự an toàn của bản thân hoặc của những người khác, viên chức không được còng tay các cá nhân trong khi kiểm tra vũ khí trừ khi có nguyên do hợp lý để bắt giữ. Xem **Chương 1.3.1.1 Thiết bị Còng và Kiểm chế..**
 - (d) **Kiểm tra vũ khí chỉ được sờ ở lớp quần áo bên ngoài.** Việc kiểm tra vũ khí không phải là hành động khám xét tổng thể toàn bộ con người. Viên chức không được cho tay vào túi hoặc dưới lớp quần áo ngoài cùng trừ khi họ cảm thấy có một đồ vật mà một cách hợp lý có thể là vũ khí (ví dụ: súng cầm tay, dao, gậy, v.v.).
 - (e) Trong quá trình kiểm tra, viên chức chỉ có thể thu giữ những đồ vật có thể nhận biết tức thì là hàng phi pháp mà không cần phải thao tác với đồ vật đó (nguyên tắc cảm nhận đơn giản).
 - (f) Nếu đối tượng đang mang một vật như túi xách, va li, cặp, bao tải, hoặc các vật dụng khác có thể chứa hoặc cất giấu vũ khí, thì viên chức không được khám xét nó. Thay vào đó, viên chức cần đặt nó ra ngoài tầm với của đối tượng.
 - (g) Nếu việc kiểm tra quần áo của đối tượng không cho thấy có vũ khí, thì không được tiến hành khám xét thêm mà không có lệnh trừ khi việc khám xét là vụ việc được tiến hành để bắt giữ.
 - (h) Nếu vũ khí hoặc hàng phi pháp rõ ràng được phát hiện trong quá trình kiểm tra, thì viên chức chỉ có thể lấy vật phẩm đó.
 - (i) Nếu vật phẩm là vũ khí hoặc hàng phi pháp rõ ràng, việc sờ hữu là phạm tội, viên chức có thể bắt giữ đối tượng và thực hiện một vụ khám xét để bắt giữ hợp pháp.
 - (j) Nếu việc lấy vật phẩm yêu cầu thao tác hoặc với tay vào bên trong quần áo hoặc cởi bỏ hoặc sắp xếp lại một số hoặc tất cả quần áo che vùng bẹn/bộ phận sinh dục, mông, ngực phụ nữ hoặc quần áo lót che những khu vực này, hãy tham khảo các yêu cầu bên dưới về việc khám xét vùng kín hoặc khám xét khoang cơ thể.
 - (k) Viên chức phải nêu rõ trong Thẻ Phỏng vấn tại Hiện trường phiên bản điện tử và mọi báo cáo vụ việc có liên quan (EPR):
 - i. Nghi ngờ hợp lý cho hoạt động dừng.
 - ii. Nghi ngờ hợp lý cho việc kiểm tra vũ khí; và
 - iii. Kết quả của việc kiểm tra vũ khí, bao gồm mô tả về bất kỳ (các) vũ khí hoặc hàng phi pháp nào được tìm thấy và vị trí trên cơ thể hoặc quần áo nơi được tìm thấy.

VỤ VIỆC KHÁM XÉT ĐỂ BẮT GIỮ VÀ KHÁM XÉT VẬN CHUYỂN

36. Một vụ việc khám xét để bắt giữ (**SITA**) được cho phép sau một cuộc bắt giữ hợp pháp. Việc khám xét không cần lệnh này là một trường hợp ngoại lệ đối với yêu cầu chung về lệnh khám xét của Tu chính án Lần thứ 4. Không quan trọng người bị bắt vì tội gì; miễn là việc bắt giữ là hợp pháp, vụ việc khám xét để bắt giữ là được phép.
37. Viên chức **có thể** tiến hành khám xét bất kỳ người nào hoặc những người bị quản thúc hợp pháp.
38. Có hai mục đích hợp lệ để tiến hành vụ việc khám xét để bắt giữ:
- Để bảo vệ viên chức và những người khác xung quanh khỏi bất kỳ đồ vật nguy hiểm nào mà người bị bắt giữ sở hữu; hoặc
 - Để ngăn chặn việc tiêu hủy chứng cứ trong tầm với của người bị bắt giữ.
39. Phạm vi của vụ việc khám xét để bắt giữ mở rộng đến các khu vực tức thời mà người bị bắt có thể lấy được vũ khí hoặc các vật phẩm chứng cứ, bao gồm quần áo, bóp và ví của người bị bắt; việc khám xét có thể là để tìm vũ khí, bằng chứng hoặc một phương tiện trốn thoát.
40. Viên chức phải tiến hành khám xét người bị bắt giữ:
- Ngay sau khi bắt giữ (xem: **Chương 1.9 – Bắt giữ**).
 - Khi nhận người bị bắt từ người khác; và
 - Trước khi vận chuyển người bị bắt bằng bất kỳ phương tiện nào của Sở (xem **Chương 71.1 – Vận chuyển và Canh giữ Tù nhân**).
41. Bất cứ khi nào có thể, viên chức cùng giới tính với người bị khám xét cần tiến hành khám xét. Nếu một viên chức cùng giới tính không có sẵn một cách hợp lý, một viên chức chứng kiến hoặc giám sát viên sẽ phải có mặt trong mọi cuộc khám xét người không cùng giới tính với viên chức khám xét. Xem **Chương 41.13.1 – Tương tác với Người LGBTQ** để biết hướng dẫn về cách tiến hành khám xét với các cá nhân LGBTQ.

KHÁM XÉT PHƯƠNG TIỆN MÀ KHÔNG CÓ LỆNH

42. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ, tại *Arizona v. Gant*, 129 S. Ct. 1710 (2009), ra phán quyết rằng cảnh sát có thể khám xét khoang hành khách của một phương tiện di chuyển, chỉ khi:
- Người bị bắt đang ở trong khoảng cách gần đến khoang hành khách tại thời điểm khám xét, hoặc
 - Có lý do để tin rằng khoang hành khách của xe chứa bằng chứng về hành vi phạm tội để bị bắt giữ.
43. Viên chức có thể tiến hành khám xét hạn chế khoang hành khách của phương tiện để tìm vũ khí nếu viên chức nghi ngờ hợp lý rằng một cá nhân, dù có phải là người bị bắt hay không, là nguy hiểm và có thể tiếp cận phương tiện để giành quyền kiểm soát vũ khí ngay lập tức. Việc khám xét phải được giới hạn ở những khu vực mà vũ khí có thể được đặt hoặc cất giấu. (Xem thêm: **Chương 1.2.4.3 – Dừng Phương Tiện**).
44. Khi không có các trường hợp ngoại lệ không cần lệnh khám xét đã nêu, viên chức không được khám xét phương tiện, kể cả trong vụ việc khám xét để bắt giữ, trừ khi viên chức đó đã nhận được lệnh khám xét hoặc có thể nêu rõ một trường hợp ngoại lệ không cần lệnh khám xét được áp dụng.

KHÁM XÉT BẮT GIỮ

45. Vì sự an toàn của mọi người, viên chức kiểm soát người bị bắt giữ phải khám xét người bị bắt giữ trước khi vận chuyển đến cơ sở đặt trước hoặc trước khi đưa người bị bắt giữ đến bất kỳ cơ sở NOPD nào.

KHÁM XÉT TẠI MỌI CƠ SỞ CỦA NOPD

46. Viên chức tiếp nhận người bị bắt tại bất kỳ cơ sở NOPD nào phải khám xét kỹ lưỡng người bị bắt (SITA). Khi người bị bắt đã bị còng tay, người bị bắt vẫn phải bị còng tay trong khi khám xét.

XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NGƯỜI BỊ BẮT

47. Viên chức phải chú ý một cách hợp lý trong việc xử lý tài sản của người bị bắt giữ để tránh thiệt hại, sai lệch hoặc mất mát.
48. Bất kỳ tài sản nào thuộc về người bị bắt nhưng được viên chức giữ lại để đảm bảo an toàn sẽ được cất ở một vị trí an toàn cho đến khi người bị bắt được thả hoặc chuyển giao.
49. Bất kỳ tài sản nào quá lớn để được cất giữ trong cơ sở tiếp nhận sẽ được đưa đến bộ phận Chứng cứ và Tài sản Trung tâm để lưu giữ an toàn và ghi lại là tài sản dưới tên của người bị bắt giữ.
50. Mọi tài sản không được cơ sở tiếp nhận chấp nhận trong trường hợp chuyển giao người bị giam giữ đều phải được đưa vào bộ phận Chứng cứ và Tài sản Trung tâm để lưu giữ an toàn.
51. Cán bộ bắt giữ hoặc vận chuyển phải cung cấp cho người bị bắt một biên lai ghi rõ: các đồ vật bị tịch thu, tên và số hiệu của viên chức, và thủ tục để đòi lại tài sản không bị giữ làm bằng chứng.
52. Viên chức phải ghi lại rằng tài sản thuộc về người bị bắt giữ nhưng được viên chức đó giữ lại để làm bằng chứng, theo các thủ tục được thiết lập để xử lý chứng cứ. Người bị bắt phải được thông báo rằng tài sản đó sẽ được giữ để làm bằng chứng.
53. Viên chức không được giữ tài sản của người bị bắt vì bất kỳ lý do nào khác ngoài việc chuyển nó cho cơ sở tiếp nhận (nhà tù) hoặc Bộ phận Chứng cứ và Tài sản Trung tâm của NOPD.

XỬ LÝ TIỀN HOẶC ĐỒ VẬT GIÁ TRỊ CỦA NGƯỜI BỊ BẮT

54. Tất cả số tiền do viên chức quản lý và thuộc về người bị bắt sẽ được đếm trước mặt người bị bắt. Nếu không phải là bằng chứng, nó sẽ được trả lại cho người bị bắt.
55. Bất kỳ tiền bạc hoặc vật có giá trị nào thuộc sở hữu của người bị bắt sẽ không được lưu vào sổ sách tại Bộ phận Chứng cứ và Tài sản Trung tâm để bảo quản an toàn, trừ khi người bị bắt bị suy yếu về thể chất hoặc tinh thần đến mức có thể dễ dàng trở thành nạn nhân hoặc người đó yêu cầu cụ thể rằng viên chức bảo quản an toàn cho đồ đạc của họ.
56. Tất cả số tiền thuộc sở hữu của một người bị bắt và bị thu giữ làm bằng chứng sẽ được đếm trước mặt người bị bắt và ghi lại làm bằng chứng trong bộ phận Chứng cứ và Tài sản Trung tâm trước khi chuyển đi làm nhiệm vụ của viên chức bắt giữ kết thúc.

57. Trong mọi trường hợp, viên chức phải lập hồ sơ việc xử lý tiền hoặc vật có giá trị của họ (ví dụ: Báo cáo Vụ việc, FIC, Phiếu phạt Giao thông, v.v.). Viên chức phải đề cập cụ thể số tiền theo mệnh giá, tên của những người có mặt trong khi kiểm đếm, và ký hiệu mô tả của bất kỳ vật có giá trị nào khác.

VIỆC KHÁM XÉT XÂM LẤN BÊN TRONG LỚP QUẦN ÁO NGOÀI

58. Việc khám xét với vào bên trong lớp quần áo ngoài che bẹn/bộ phận sinh dục, mông hoặc ngực phụ nữ có thể vượt quá phạm vi của việc kiểm tra vũ khí hoặc mang tính xâm phạm nhiều hơn một vụ việc khám xét để bắt giữ (SITA). Trừ khi đáp ứng các yêu cầu về khám xét vùng kín được nêu dưới đây, các viên chức không được:
- Vớ vào bên trong lớp quần áo ngoài che bẹn, bộ phận sinh dục và vùng mông/hậu môn, hoặc ngực phụ nữ.
 - Thao tác với các đồ vật bên trong lớp quần áo ngoài mà có thể tiếp xúc trực tiếp với da ở vùng bẹn, bộ phận sinh dục và vùng mông/hậu môn, hoặc ngực phụ nữ để thu hồi một món đồ hoặc di chuyển chúng ra nơi nhìn rõ; hoặc
 - Yêu cầu ai đó cởi bỏ hoặc sắp xếp lại một số hoặc tất cả quần áo để cho phép kiểm tra trực giác hoặc thân thể đối với vùng bẹn/bộ phận sinh dục, mông, ngực phụ nữ, hoặc quần áo lót che những khu vực này (xem yêu cầu đối với việc khám xét vùng kín).
59. Viên chức phải tuân theo các yêu cầu của Chương 41.3.10 – Camera Đeo Trên Người và các yêu cầu về ghi chép của Chương 41.12 – Thẻ Phỏng vấn tại Hiện trường. Sau khi chỉ ra cơ sở cho việc khám xét trên FIC, viên chức cần ghi chú trong “Biện minh cho Khám xét” rằng họ đã sờ vào bên trong lớp quần áo ngoài tại những vùng cơ thể được quy định trong điều khoản này và nhu cầu cấp thiết đã thúc đẩy hành động đó. Nếu viên chức không thể đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào trong đoạn 64 của chính sách này, họ cần giải thích chi tiết về lý do tại sao họ không tuân thủ các yêu cầu đó, bao gồm cả mô tả về bất kỳ trường hợp cấp bách nào được áp dụng.

KHÁM XÉT VÙNG KÍN

60. Việc khám xét vùng kín chỉ có thể được thực hiện khi viên chức có nguyên do hợp lý có thể nói rõ ra được để tin rằng một hoặc nhiều trường hợp sau đây tồn tại và các phương tiện ít xâm lấn hơn (ví dụ: máy dò kim loại) không tồn tại hoặc không có sẵn:
- Đối tượng đang cất giấu vũ khí hoặc vật dụng có nguy cơ gây hại ngay lập tức cho viên chức, đối tượng hoặc những người khác.
 - Đối tượng đang che giấu bằng chứng về một tội ác bạo lực hoặc trọng tội phi ma túy nghiêm trọng và có nguy cơ tức thời rằng bằng chứng có thể bị mất hoặc bị tiêu hủy trước khi đối tượng được chuyển giao cho OPSO.
61. Khi tiến hành khám xét vùng kín, nếu vật phẩm có thể được lấy ra thông qua các phương tiện ít xâm lấn hơn, chẳng hạn như việc thao tác với các vật phẩm bên trong lớp quần áo ngoài mà có thể tiếp xúc trực tiếp với da ở vùng bẹn, bộ phận sinh dục và vùng mông/hậu môn để lấy vật phẩm hoặc di chuyển chúng ra phía ngoài để nhìn rõ, viên chức phải lấy vật phẩm bằng cách sử dụng phương pháp ít xâm lấn nhất.

62. Không thể tiến hành khám xét vùng kín để tìm kiếm bằng chứng về những tội phạm mà NOPD không ban hành lệnh bắt hoặc các loại tội phạm mà Văn phòng Luật sư Giáo xứ Orleans đã chính thức thông báo cho NOPD rằng họ thường không có ý định truy tố.
63. Trong những trường hợp đối tượng đã vứt bỏ hàng phi pháp hoặc vũ khí đã cất giấu trước đó từ trong quần áo, cảnh sát không được tiến hành khám xét vùng kín trừ khi họ có nguyên do hợp lý có thể nói rõ ra để tin rằng có thêm hàng phi pháp được giấu ở vùng bẹn/bộ phận sinh dục, hông, ngực phụ nữ, hoặc quần áo lót che những khu vực này.
64. Khám xét vùng kín, không được thực hiện tại cơ sở đặt trước, mà phải được tiến hành trong khu vực an toàn của một cơ sở NOPD trừ khi có các trường hợp cấp bách. Các yêu cầu sau áp dụng cho tất cả trường hợp khám xét vùng kín:
- (a) Viên chức phải được giám sát viên của mình cho phép bằng văn bản trước khi khám xét vùng kín, và giám sát viên phải có mặt tại hiện trường mọi lúc trong quá trình khám xét.
 - (b) Viên chức phải được đào tạo về những giới hạn khi khám xét vùng kín.
 - (c) Viên chức phải sử dụng các phương pháp thích hợp và thiết bị bảo hộ cá nhân khi tiến hành khám xét vùng kín.
 - (d) Tất cả các trường hợp khám xét vùng kín sẽ được thực hiện trong các điều kiện cung cấp quyền riêng tư cho tất cả trừ những người được phép tiến hành việc khám xét.
 - (e) Tất cả các viên chức tham gia khám xét vùng kín phải thực hiện các bước hợp lý để giảm thiểu sự bối rối hoặc khó chịu có thể xảy ra đối với bên bị khám xét.
 - (f) Trước khi tiến hành khám xét vùng kín, viên chức và giám sát viên sẽ giải thích cho đối tượng hiểu lý do tại sao họ bị khám xét và cho người đó cơ hội tự nguyện xuất trình vật phẩm bị nghi ngờ. Người đó sẽ chỉ được phép tự nguyện xuất trình vật phẩm nếu viên chức và giám sát viên tin rằng vật phẩm đó có thể được xuất trình mà không ảnh hưởng đến sự an toàn của nhân viên hoặc gây nguy cơ tiêu hủy bằng chứng.
 - (g) Tất cả các viên chức tham gia khám xét vùng kín phải có cùng giới tính với giới tính đã xác định của người bị khám xét. Viên chức phải thông báo cho đối tượng khám xét rằng chính sách yêu cầu viên chức thực hiện khám xét vùng kín phải có cùng giới tính với người bị khám xét. Viên chức phải xác minh với người được khám xét giới tính của viên chức tiến hành khám xét. Điều này sẽ được ghi lại trên BWC, trước khi tiến hành khám xét vùng kín.
 - (h) Tất cả các trường hợp khám xét vùng kín phải được tiến hành theo cách thức chuyên nghiệp và bao gồm đủ số lượng nhân viên cần thiết.
 - (i) Bất cứ khi nào có thể, một viên chức thứ hai cùng giới nên hỗ trợ thực hiện việc khám xét.
 - (j) Các viên chức thực hiện khám xét không được chạm vào bộ phận sinh dục, hông hoặc ngực phụ nữ của người bị khám xét.
 - (k) Không nhân viên nào được nhìn quần áo lót, bộ phận sinh dục, hông hoặc ngực phụ nữ của người bị bắt khi người đó đang thay quần áo, trừ khi người bị bắt đủ điều kiện cho việc khám xét vùng kín.
65. Khám xét vùng kín sẽ không được quay video hoặc chụp ảnh trừ khi người bị khám xét yêu cầu. Trước khi khám xét và trong khi ghi hình bằng camera đeo trên người mình, viên chức phải giải thích cho người bị khám xét rằng NOPD thường không ghi lại các cuộc khám xét vùng kín nhưng có thể ghi lại việc khám xét bằng camera trên cơ thể của họ theo yêu cầu của người đó. Viên chức sẽ hỏi người bị khám xét xem họ có muốn ghi lại cuộc khám xét hay không.
- (a) Nếu người bị khám xét **không** muốn ghi lại việc khám xét:
 - i. Yêu cầu này sẽ được ghi lại trên video.
 - ii. Viên chức sẽ ngừng ghi lại vụ việc sau khi nói rằng mình làm như vậy với mục đích khám xét vùng kín. Viên chức không được ghi lại bất kỳ phần nào của cuộc khám xét.

iii. Sau khi việc khám xét hoàn tất, nếu thích hợp, viên chức sẽ tiếp tục ghi lại vụ việc.

(b) Nếu người đang được khám xét yêu cầu ghi lại việc khám xét:

- i. Yêu cầu khẳng định sẽ được ghi lại trên video.
- ii. Viên chức phải dừng và ngay lập tức bắt đầu ghi lại để đoạn video chỉ ghi hình quá trình khám xét vùng kín. Quá trình ghi phải kết thúc sau khi kết thúc quá trình khám xét vùng kín. Nếu thích hợp, viên chức phải tiếp tục ghi lại vụ việc để bắt đầu một video mới.
- iii. Không được tiến hành khám xét vùng kín nào nữa nếu không lập lại toàn bộ quy trình ghi chép.
- iv. Video quay quá trình khám xét vùng kín sẽ được phân loại là “Video Khám xét Vùng kín và Khoang Cơ thể (Bị Hạn chế)” từ lựa chọn thả xuống cho BWC và được gắn nhãn theo cách để xác định số mục và chủ đề.
- v. GHI CHÚ: Sau khi được phân loại là “Video Khám xét Vùng kín và Khoang Cơ thể (Bị Hạn chế)”, chỉ Quản trị viên CNTT và PIB mới có thể xem bản ghi.

66. Nếu đối tượng đã bị bắt giữ, người bị bắt khi được vận chuyển đến cơ sở đặt trước OPSO, viên chức phải thông báo cho cấp phó về hoàn cảnh, phương thức và địa điểm cất giấu hàng phi pháp. Sau đó, các cấp phó OPSO có thể xác định xem có yêu cầu thêm bất kỳ hành động nào theo quy trình tiếp nhận hay không.
67. Viên chức không được tiến hành khám xét vùng kín tại hiện trường trừ khi có những trường hợp cấp bách mà việc di dời cá nhân đó sẽ khiến tính mạng của viên chức, đối tượng hoặc những người khác gặp rủi ro. Khám xét vùng kín tại hiện trường phải được giám sát viên phê duyệt rõ ràng. Khám xét vùng kín tại hiện trường nên được hạn chế diễn ra. Giám sát viên cần ngay lập tức phản hồi tại hiện trường khi một viên chức yêu cầu cho phép để tiến hành khám xét vùng kín.
68. Khi khám xét vùng kín tại hiện trường được tiến hành, việc này phải được thực hiện trong các điều kiện cung cấp quyền riêng tư. Trong những trường hợp này, nếu viên chức có cùng giới tính với giới tính xác định của người đang được khám xét không có mặt tại hiện trường, và nếu chờ một viên chức có giới tính thích hợp đến sẽ không gây rủi ro cho các viên chức hoặc những người khác, thì viên chức tại hiện trường phải yêu cầu một viên chức có giới tính phù hợp đến hiện trường để thực hiện khám xét.

YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC BÁO CÁO KHÁM XÉT VÙNG KÍN

69. Viên chức chính thực hiện cuộc khám xét phải chuẩn bị một Biểu mẫu Cho phép Khám xét Vùng kín số 353 để đưa vào các thông tin sau:
 - (a) Sự cho phép bằng văn bản việc khám xét có được từ giám sát viên của nhân viên.
 - (b) Tên của giám sát viên đã cho phép khám xét.
 - (c) Tên của người bị khám xét.
 - (d) Tên của người đã tiến hành khám xét.
 - (e) Tên của bất kỳ người nào đã hỗ trợ hoặc chứng kiến cuộc khám xét.
 - (f) Thời gian và ngày khám xét bao gồm cả thời lượng khám xét.
 - (g) Nơi tiến hành khám xét, bao gồm cả căn phòng hoặc khu vực cụ thể được sử dụng.
 - (h) Danh sách các vật phẩm, nếu có, được tìm thấy trong quá trình khám xét và vị trí tìm thấy chúng trên cơ thể.
 - (i) Các tình tiết mà viên chức dựa vào đó tin rằng người bị khám xét đang cất giấu vũ khí hoặc chất bị kiểm soát hoặc bằng chứng cụ thể khác về tội phạm nếu người đó không bị bắt vì trọng tội.

- (j) Các bước được thực hiện để bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân đó; sự tồn tại của bất kỳ video nào và;
 - (k) Nếu là một cuộc khám xét vùng kín tại hiện trường, cần nêu các tình huống cấp bách đã đặt tính mạng của các viên chức hoặc những người khác vào tình thế nguy hiểm.
70. Viên chức phải cung cấp một bản sao của giấy cho phép và biểu mẫu khám xét cho người được khám xét.
71. Viên chức phải ghi lại bất kỳ cuộc khám xét vùng kín nào được thực hiện mà không có lệnh trong FIC. (Xem **Chương 41.12 – Thẻ Phỏng vấn tại Hiện trường**).

KHÁM XÉT KHOANG CƠ THỂ

72. Không được khám xét khoang cơ thể **khi không** có lệnh khám xét.
73. Việc khám xét khoang cơ thể **chỉ được** tiến hành tại cơ sở y tế bởi nhân viên y tế được cấp phép.
74. Nếu việc kiểm tra trực quan nghi phạm trong quá trình khám xét vùng kín và/hoặc thông tin khác khiến viên chức tin rằng nghi phạm đang cất giấu vũ khí, bằng chứng hoặc hàng phi pháp trong khoang cơ thể, thì viên chức phải:
- (a) Kiểm chế đối tượng theo cách để ngăn cản khả năng lấy được vũ khí hoặc phi tang bằng chứng của đối tượng.
 - (b) Luôn theo dõi đối tượng cho đến khi quyết định được đưa ra theo nhu cầu và tính hợp pháp để tiến hành khám xét khoang cơ thể.
 - (c) Tham khảo ý kiến của giám sát viên trực tiếp của họ để quyết định xem liệu có nguyên do hợp lý để xin lệnh khám xét khoang cơ thể hay không. Khi quyết định xin lệnh khám xét phải hiểu rõ rằng việc khám xét khoang cơ thể là rất xâm phạm quyền riêng tư cá nhân và chỉ hợp lý khi hành vi phạm tội bị nghi ngờ có tính chất nghiêm trọng hoặc đe dọa đến sự an toàn của các viên chức hoặc những người khác.
 - (d) Có được sự cho phép bằng văn bản từ giám sát viên của họ trước khi nhận lệnh khám xét khoang cơ thể. Đơn xin Lệnh Khám xét (Mẫu số 117) cần được hoàn thành bởi viên chức yêu cầu, trong đó phải cung cấp mô tả chính xác và rõ ràng về lý do yêu cầu khám xét, địa điểm hoặc người được khám xét, và các vật phẩm hoặc bằng chứng có thể là mục đích của việc khám xét, và được giám sát viên phê duyệt xem xét và ký tên.
 - (e) Nếu có được lệnh khám xét, viên chức phải thông báo cho cá nhân đó rằng viên chức tư pháp đã ký lệnh khám xét để khám xét khoang thi thể. Nếu có thể, viên chức sẽ cho cá nhân xem lệnh và cho phép họ đọc lệnh. Nếu không, viên chức phải đọc cho cá nhân nghe phần lệnh yêu cầu viên chức tiến hành khám xét khoang cơ thể và các giới hạn của việc khám xét.

TIẾN HÀNH KHÁM XÉT KHOANG CƠ THỂ

75. Khám xét khoang cơ thể phải được tiến hành như sau:
- (a) Việc khám xét khoang cơ thể sẽ chỉ được thực hiện bởi bác sĩ, y tá chuẩn định, hoặc y tá thực hành, được cấp phép hành nghề tại tiểu bang này.
 - (b) Việc khám xét sẽ được tiến hành tại một cơ sở y tế.
 - (c) Tất cả các viên chức có mặt trong quá trình khám xét phải có cùng giới tính với giới tính đã xác định của người được khám xét và giới hạn ở những người thực sự cần thiết để tiến hành và lập hồ sơ khám xét.
 - (d) Việc khám xét sẽ được tiến hành trong một khu vực an toàn với đủ quyền riêng tư để những người không trực tiếp tham gia khám xét không thể quan sát được việc khám xét.
 - (e) Các viên chức thực hiện khám xét không được chạm vào bộ phận sinh dục, mông hoặc ngực phụ nữ của người bị khám xét.

- (f) Không được quay video hoặc chụp ảnh việc khám xét khoang cơ thể trừ khi người được khám xét yêu cầu. Yêu cầu sẽ được ghi lại trên video. Trước khi khám xét và trong khi ghi hình bằng camera đeo trên người của mình, viên chức phải giải thích cho người bị khám xét rằng NOPD thường không ghi lại các khám xét khoang cơ thể nhưng có thể ghi lại quá trình khám xét bằng camera trên người của họ theo yêu cầu của cá nhân đó. Viên chức sẽ hỏi người bị khám xét xem họ có muốn ghi lại cuộc khám xét hay không.

- iv. Nếu người bị khám xét **không** muốn ghi lại quá trình khám xét khoang cơ thể:
1. Yêu cầu này sẽ được ghi lại trên video.
 2. Viên chức phải ngừng ghi lại vụ việc sau khi nói rằng mình làm như vậy với mục đích khám xét khoang cơ thể. Viên chức không được ghi lại bất kỳ phần nào của cuộc khám xét.
 3. Sau khi việc khám xét hoàn tất, nếu thích hợp, viên chức phải tiếp tục ghi lại vụ việc.
- v. Nếu người đang bị khám xét yêu cầu ghi lại quá trình khám xét khoang cơ thể:
1. Yêu cầu khẳng định phải được ghi lại trên video.
 2. Viên chức phải dừng và ngay lập tức bắt đầu ghi lại để đoạn video chỉ ghi hình quá trình khám xét khoang cơ thể. Quá trình ghi phải kết thúc sau khi kết thúc quá trình khám xét vùng kín. Nếu thích hợp, viên chức phải tiếp tục ghi lại vụ việc để bắt đầu một video mới.
 3. Không được tiến hành khám xét khoang cơ thể nào nữa nếu không lập lại toàn bộ quy trình ghi chép.
 4. Video quay quá trình khám xét khoang cơ thể sẽ được phân loại là "Video Khám xét Vùng kín và Khoang Cơ thể (Bị Hạn chế)" từ lựa chọn thả xuống cho BWC và được gắn nhãn theo cách để xác định số mục và chủ đề.
 5. GHI CHÚ: Sau khi được phân loại là "Video Khám xét Vùng kín và Khoang Cơ thể (Bị Hạn chế)", chỉ Quản trị viên CNTT và PIB mới có thể xem bản ghi.

76. Viên chức thực hiện lệnh khám xét khoang cơ thể phải chuẩn bị văn bản Đáp lại Lệnh Khám xét (Mẫu số 117b) để đưa vào các thông tin sau:
- (a) Sự cho phép khám xét bằng văn bản có được từ giám sát viên của nhân viên và được ghi chú trên Biểu mẫu Đơn xin Lệnh Khám xét (Mẫu số 117).
 - (b) Tên của bác sĩ, y tá chuẩn định, hoặc y tá thực hành thực hiện khám xét.
 - (c) Tên của tất cả các nhân viên y tế khác có mặt trong quá trình khám xét.
 - (d) Tên của người bị khám xét.
 - (e) Tên của các viên chức có mặt trong quá trình khám xét.
 - (f) Ngày, giờ và thời lượng khám xét;
 - (g) Nơi tiến hành khám xét, bao gồm cả số phòng; và
 - (h) Danh sách các vật phẩm, nếu có, được tìm thấy trong quá trình khám xét và vị trí tìm thấy chúng trên cơ thể.
77. Người khám xét phải cung cấp một bản sao của lệnh khám xét có chữ ký và một biên lai cho bất kỳ đồ vật nào bị thu giữ.

MẪU MÁU, NƯỚC BỌT VÀ DNA

78. Việc thu thập các mẫu DNA, máu, nước bọt hoặc các chất dịch cơ thể khác trong quá trình điều tra tội phạm chịu sự điều chỉnh của các Chương liên quan đến các cuộc điều tra chuyên ngành đó (ví dụ: tử vong do giao thông, tấn công tình dục, giết người, v.v.).

79. Trừ khi được đào tạo và/hoặc chứng nhận đặc biệt, các thành viên của Sở này không được lấy các mẫu DNA, máu, nước bọt hoặc các chất dịch cơ thể khác để sử dụng làm bằng chứng.
80. Trừ khi có một trường hợp ngoại lệ cụ thể theo luật Tiểu bang hoặc điều tra viên đã có được sự đồng ý bằng văn bản thích hợp từ cá nhân sẽ được lấy mẫu, thì trước khi lấy bất kỳ mẫu nào cũng cần có lệnh.
81. Các điều tra viên phải cố gắng có được sự đồng ý, nếu có thể, trong mọi trường hợp. Sự đồng ý phải là tự nguyện và được lập thành văn bản về sự đồng ý thích hợp đối với các hình thức khám xét cho loại hình điều tra đó.
82. Tất cả các thủ tục quy định việc thu thập và bảo quản bằng chứng và chuỗi quy trình được nêu trong **Chương 83.1 – Thu thập và Lưu giữ Bằng chứng** phải được tuân thủ.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM SÁT VIÊN

83. Giám sát viên phải xem xét các báo cáo để đảm bảo các báo cáo là chính xác, các hành động được ghi chép lại một cách hợp lý và các yêu cầu pháp lý hiện hành cũng như chính sách của sở đã được đáp ứng.
84. Giám sát viên phải xem xét các tài liệu bằng văn bản và video về sự đồng ý khám xét để đảm bảo rằng chúng tuân thủ luật pháp và Chương này.
85. Đối với tất cả các đơn xin lệnh khám xét của các viên chức, giám sát viên tương ứng của họ sẽ xem xét lệnh khám xét hoặc bắt giữ, bao gồm từng bản tuyên thệ hoặc bản khai, trước khi một viên chức nộp đơn xin lệnh, để đảm bảo tính phù hợp, hợp pháp và phù hợp với các quy định của Sở cảnh sát New Orleans. Giám sát viên phải tiến hành và lập hồ sơ việc xem xét này tuân theo **Chương 1.2.4.2 – Lệnh Khám Xét**.
86. Giám sát viên phải đánh giá thông tin có trong đơn xin lệnh và các tài liệu chứng minh về tính xác thực, bao gồm việc kiểm tra ngôn ngữ “viết sẵn” hoặc ngôn ngữ “pat”, thông tin không nhất quán, và việc thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng cho lệnh.
87. Giám sát viên phê duyệt khám xét vùng kín hoặc khám xét khoang cơ thể có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ về tất cả các yêu cầu đã được phê duyệt hoặc bị từ chối. Hồ sơ này phải phản ánh những điều sau:
 - (a) Số Mục của NOPD;
 - (b) Loại hình Khám xét (Vùng kín/Khoang Cơ thể);
 - (c) Tên của Viên chức Yêu cầu;
 - (d) Tên giám sát viên phê duyệt/không phê duyệt; và
 - (e) Lý do phê duyệt hoặc không phê duyệt
88. Là một phần của quá trình đánh giá giám sát, giám sát viên phải ghi vào Nhật ký Tuân thủ của Khu hoặc Bộ phận những trường hợp khám xét hoặc đơn xin lệnh không có hỗ trợ về mặt pháp lý, vi phạm chính sách của Sở Cảnh sát New Orleans, hoặc cho thấy cần phải có hành động khắc phục hoặc xem xét lại chính sách, chiến lược, chiến thuật hoặc việc đào tạo của NOPD
89. Nếu giám sát viên xác định trong quá trình đánh giá vụ việc rằng NOPD cần xem xét lại chính sách, chiến thuật, việc đào tạo hoặc chiến lược có liên quan đến vụ việc, giám sát viên sẽ ghi lại điều đó trong Mẫu PRR số 358. Giám sát viên gửi biểu mẫu PRR số 358 có trách nhiệm hoàn thành kỹ lưỡng phần “Yêu cầu” của biểu mẫu. Giám sát viên sẽ tạo một bản sao kỹ thuật số của biểu mẫu và gửi nó qua email đến PSAB@nola.gov. Giám sát viên phải cố gắng nghiêm túc cung cấp thông tin

để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đánh giá yêu cầu. Giám sát viên phải luôn có mặt để hỗ trợ người đánh giá và trả lời các câu hỏi tiếp theo mà người đánh giá PSAB có thể có.

90. Giám sát viên phải thực hiện hành động thích hợp để giải quyết các vi phạm hoặc thiếu sót, bao gồm cả việc đề xuất hành động khắc phục phi kỷ luật đối với nhân viên liên quan và/hoặc chuyển sự việc để điều tra hành chính hoặc hình sự. Giám sát viên phải ghi lại hành động khắc phục trong Nhật ký Phản hồi của Giám sát viên (xem **Chương 35.1.7 – Các Biện pháp Phi kỷ luật đối với các Vi phạm Nhẹ**) hoặc bằng cách bắt đầu một cuộc điều tra kỷ luật chính thức (xem **Chương 52.1.1 – Tiếp nhận Hành vi Sai trái và Điều tra Khiếu nại**) và ghi chú hành động khắc phục vào trong Nhật ký Tuân thủ.
91. Giám sát viên phải tính đến chất lượng và độ chính xác của các cuộc khám xét, việc ghi chép lại cuộc khám xét, lệnh khám xét và các bản tuyên thệ hoặc bản khai trong các đánh giá thành tích của viên chức.
92. Giám sát viên phải hỗ trợ cấp dưới của họ thực hiện lệnh khám xét tuân theo **Chương 1.2.4.2 – Lệnh Khám Xét**.

ĐÀO TẠO

93. Sở sẽ cung cấp các khóa đào tạo liên quan và cập nhật cho các viên chức để hướng dẫn áp dụng luật hiện hành, các tiêu chuẩn cộng đồng địa phương và các cân nhắc khi truy tố liên quan đến các tình huống khám xét và bắt giữ cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ công việc của họ.